

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST
Ngày 24 - 5 - 2021.
V/v “T/C hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Thi
2. Bà Nguyễn Khánh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My Huyền.- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST- DSTC, ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DSTC ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DSTC ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang; địa chỉ: Tổ 13, phường N, TP H, tỉnh Hà Giang; ĐD theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức N - Phó Giám đốc.

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Thanh T; địa chỉ: Tổ 14, phường T, TP. H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Hà Giang (sau đây viết tắt ngân hàng B - CN Hà Giang) trình bày: Ngày 30/6/2015 ngân hàng B - CN Hà Giang và bà Vũ Thị Thanh T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 222//TDH/2015, theo nội dung của hợp đồng ngân hàng B – CN Hà Giang đồng ý cho bà T vay số tiền 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng), mức lãi suất cho vay áp dụng trong ba tháng đầu tối thiểu là 10,8%/năm, từ tháng thứ tư trở đi lãi suất được điều chỉnh

theo định kỳ quy định của ngân hàng; thời hạn vay 48 tháng; mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị dùng sinh hoạt gia đình, loại vay không có bảo đảm bằng tài sản. Tại thời điểm vay nợ bà T đang công tác tại Trung tâm dạy nghề thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Giang. Khi đó bà T có ủy quyền cho Trung tâm dạy nghề nơi bà T công tác giữ lại thu nhập lương và các khoản thu nhập theo để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng B - CN Hà Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm cam kết nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng B- CN Hà Giang và để phát sinh nợ quá hạn. Cụ thể bà T đã không trả nợ cho ngân hàng từ tháng 9/2015, sau đó bà T nghỉ việc và bỏ đi khỏi nơi cư trú, cố tình giấu địa chỉ. Ngân hàng B đã nhiều lần gửi công văn đề nghị Trung tâm dạy nghề nơi bà T công tác hỗ trợ thông báo cho bà T đề ngân hàng giải quyết việc vay nợ nhưng không có kết quả. Tính đến ngày 22/9/2020 bà T còn nợ số tiền gốc là 93.655.663đ, lãi quá hạn 21.132.598đ; lãi phạt 14.342.224đ; lãi phạt gốc 54.199.857đ. Tổng số nợ gốc + lãi là 183.330.342đ.

* Bị đơn bà Vũ Thị Thanh T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bà T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh, đại diện tổ nhân dân tổ 14, phường T, thành phố H cung cấp hiện nay bà T đã đi khỏi nơi cư trú không có mặt tại địa bàn nơi cư trú từ thời gian nào tổ không nắm được. Khi đi khỏi nơi cư trú bà T không thông báo về việc thay đổi nơi cư trú, không báo tạm vắng nên chính quyền địa phương nơi bà T đăng ký tạm trú không biết hiện nay bà T đang cư trú ở đâu.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà T hoàn trả số tiền gốc: 93.655.663đ + lãi quá hạn 21.132.598đ + dự thu phạt gốc 65.986.030đ, tổng số là nợ tính đến ngày xét xử là: 180.774.030đ. Ngân hàng B rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần phạt lãi là số tiền 14.342.224đ.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp

với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 khoản 1 Điều 40, 144, 147, khoản 3 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự; các điều Điều 280, 281, 357, 463, 466, 668 - BLDS năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Thủy phải trả số tiền nợ gốc 93.655.663đ + lãi quá hạn 21.132.598đ + dự thu phạt gốc 65.986.030đ, tổng số là nợ tính đến ngày xét xử là: 180.774.030đ và lãi phát sinh kể từ ngày 25/5/2021 theo hợp đồng tín dụng đến khi bà T trả hết nợ gốc.

- Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng B - Chi nhánh Hà Giang; địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Vũ Thị Thanh T; địa chỉ: Tổ 14, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Bị đơn bà T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà T theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng B - CN Hà Giang đồng ý cho bà T vay số tiền 100.000.000,đ (*Một trăm triệu đồng*), mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị dùng sinh hoạt gia đình. Như vậy, xác định tranh chấp là hợp đồng Tín dụng và là tranh chấp dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015; căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 280, 357- Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về nội dung: Ngày 30/6/2015 Ngân hàng B - CN Hà Giang và bà Thủy đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng tín dụng số 222/TDH/2015, Ngân hàng B - CN Hà Giang, đồng ý cho bà T vay số tiền 100.000.000,đ (*Một trăm triệu đồng*), mức lãi suất tại thời điểm ký kết trong ba tháng đầu là 10.8%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi áp dụng lãi suất cho vay theo định kỳ điều chỉnh theo định kỳ quy định của ngân hàng; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày bên vay nhận nợ lần đầu tiên (ngày ký khế ước nhận nợ 30/6/2015), mục đích vay đầu tư mua sắm thiết bị dùng sinh

hoạt gia đình. Loại vay không có bảo đảm bằng tài sản, bà T có ủy quyền cho Trung tâm dạy nghề - Hội phụ nữ tỉnh Hà Giang nơi bà T công tác giữ lại thu nhập lương và các khoản thu nhập theo lương tương ứng với nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng B.

[5]. Quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã vi phạm cam kết về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng và để phát sinh nợ quá hạn từ ngày 30/9/2015, ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ và thực hiện nhiều biện pháp để xử lý, thu hồi nợ nhưng bà T không hợp tác và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú. Tính đến thời điểm xét xử bà T còn nợ số tiền gốc 93.655.663đ + lãi quá hạn 21.132.598đ + dự thu phạt gốc 65.986.030đ, tổng số là nợ là: 180.774.030đ. Nay ngân hàng B –CN Hà Giang yêu cầu bà T trả số tiền gốc, lãi nêu trên.

[6]. Xét yêu cầu của ngân hàng B - CN Hà Giang đề nghị bà T phải trả số tiền nợ gốc và lãi suất chưa thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở, bởi lẽ: Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng số 222/TDH/2015, ngày 30/6/2015, bà T đã vay được tiền nhưng không trả nợ theo thỏa thuận để phát sinh nợ quá hạn. Nay do bà T đã đi khỏi nơi cư trú, trước khi thay đổi địa chỉ nơi cư trú không thông báo cho chính quyền địa phương nơi đang cư trú và ngân hàng B- CN Hà Giang, biết về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú, cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và đã nghỉ việc. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 288, 290, Điều 357 - BLDS năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng B buộc bà T phải cho ngân hàng B cụ thể số dư nợ gốc: 93.655.663đ + lãi quá hạn 21.132.598đ + dự thu phạt gốc 65.986.030đ, tổng số là nợ tính đến ngày xét xử ngày 24/5/2021 là: 180.774.030đ và lãi phát sinh kể từ ngày 25/5/2021 theo hợp đồng tín dụng đến khi bà T trả hết nợ gốc.

[7]. Đối với việc ngân hàng B tự nguyện rút một phần yêu cầu đòi bà T phải trả khoản lãi phạt 14.342.224đ là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[8]. Bị đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình.

[9]. Đối với Trung tâm dạy nghề - Hội phụ nữ tỉnh Hà Giang nơi bà T công tác tại thời điểm bà T thực hiện việc vay tiền, Trung tâm dạy nghề có xác nhận về việc đồng ý chuyển tiền lương và thu nhập định kỳ vào tài khoản của bà T mở tại ngân hàng B để thực hiện việc thu hồi nợ và nhắc nhở cán bộ vay vốn trả nợ đúng hạn. Tuy nhiên bà T đã xin nghỉ việc và bỏ đi khỏi nơi cư trú, mặt khác ngân hàng B cũng không đề nghị Trung tâm dạy nghề hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Hà Giang phải có trách nhiệm về khoản vay của bà T nên không xem xét giải quyết.

[10]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 282, 357; điểm b khoản 1 Điều 688 - Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý b mục 1.3 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh Hà Giang về việc yêu cầu bà Vũ Thị Thanh T phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 222/TDH/2015, ngày 30/6/2015.

Xử: Buộc bà Vũ Thị Thanh T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ cho ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang, cụ thể số tiền nợ tính đến ngày xét xử ngày 24/5/2021, nợ gốc là 93.655.663đ + lãi quá hạn 21.132.598đ + dự thu phạt gốc 65.986.030đ. Tổng số nợ là: 180.774.291đ (*Một trăm tám mươi triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn hai trăm chín mươi một đồng*) và lãi phát sinh kể từ ngày 25/5/2021 theo hợp đồng tín dụng đến khi bà T trả hết nợ gốc.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Bà Vũ Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.038.701đ (*Chín triệu không trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm linh một nghìn*).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hà Giang số tiền tạm ứng án phí 4.583.000đ (*Bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang theo biên lai số 0002336 ngày 29/10/2020 (do ông Nguyễn Thanh B nộp).

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản bản hoặc bản bản được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-VKSND TP. Hà Giang;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

- Các đương sự;
- C.C THADS TP. H;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

Lê Thị Thanh Bình